

Số: 54/2026/QĐST-HNGĐ

Lai Châu, ngày 19 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LAI CHÂU

Thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thị Hạnh.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lai Châu tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 111/2026/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2026, về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, theo Quyết định mở phiên họp số: 06/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Lò Thị H, sinh năm 1958, địa chỉ: Bản N, xã N, tỉnh Lai Châu, số CCCD: 012158003324. Bà Lò Thị H vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lai Châu. Địa chỉ: Bản P, xã N, tỉnh Lai Châu. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Đ, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lò Văn S, chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

+ Chị Lò Thị B, sinh năm 1994, địa chỉ: Bản N, xã N, tỉnh Lai Châu, số CCCD: 012194007350. Chị Lò Thị B vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

+ Anh Lò Văn T, sinh năm 1995, địa chỉ: Bản N, xã N, tỉnh Lai Châu, số CCCD: 012095002737. Anh Lò Văn T vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và lời khai trong quá trình giải quyết vụ việc, người yêu cầu là bà Lò Thị H trình bày:

Bà Lò Thị H là mẹ đẻ của chị Lò Thị B. Anh Lò Văn T, sinh ngày 20/12/1995 và chị Lò Thị B, sinh ngày 20/5/1994, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn số 10/2015, ngày 04/5/2015, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu, nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lai Châu. Việc anh T và chị B đăng ký kết hôn ngày 04/5/2015, tại Ủy ban nhân dân xã N đã vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên bà Lò Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lò Văn T và chị Lò Thị B, theo việc đăng ký kết hôn số 10/2015, ngày 04/5/2015, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu.

Quá trình giải quyết việc dân sự, đại diện Ủy ban nhân dân xã N trình bày: Việc đăng ký kết hôn giữa anh Lò Văn T và chị Lò Thị B tại UBND xã N theo số 10/2015, ngày 04/5/2015, hiện nay tại Ủy ban nhân dân xã K có tài liệu gì thể hiện việc anh T và chị B xuất trình giấy tờ tùy thân khi đi đăng ký kết hôn. Do nhầm lẫn trong việc xác định độ tuổi, UBND xã đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh chị. Do di chuyển văn phòng nhiều lần nên tại Ủy ban nhân dân xã H1 chỉ có sổ đăng ký kết hôn thể hiện việc anh T, chị B đăng ký kết hôn ngày 04/5/2015, không có hồ sơ đăng ký kết hôn của anh T và chị B. Việc đăng ký kết hôn giữa anh T và chị B tại UBND xã N vào ngày 04/5/2015 không đảm bảo đúng quy định về độ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lò Văn T và chị Lò Thị B trình bày: Anh T sinh ngày 20/12/1995, chị B sinh ngày 20/5/1994. Anh T và chị B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Do không hiểu biết rõ về pháp luật, anh T và chị B đã đi đăng ký kết hôn vào ngày 04/5/2015, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh T được 19 tuổi 3 tháng 15 ngày, chị B được 21 tuổi 16 ngày nên anh T chưa đủ tuổi kết hôn. Quá trình chung sống, anh T và chị B phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau, thường xuyên xảy ra cãi cọ, mắng chửi nhau. Anh T, chị B đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án hủy việc đăng ký kết hôn trái pháp luật giữa chị B, anh T theo đăng ký kết hôn số 10/2015, ngày 04/5/2015, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu. Về con chung: Anh T và chị B có 02 con chung là cháu Lò Thị Mai X, sinh ngày 01/01/2013; Lò Văn T1, sinh ngày 28/8/2018. Chị B và anh T thống nhất giao cháu X cho chị B trực tiếp nuôi, giao cháu T1 cho chị T trực tiếp nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu do đương sự cung cấp gồm: Trích lục kết hôn số 07/2026/TLKH-BS, ngày 22/01/2026, của Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lai Châu cấp - 01 bản chính; Căn cước công dân Lò Thị H - 01 bản sao chứng thực; Căn cước công dân Lò Thị B - 01 bản sao chứng thực; Căn cước công dân Lò Văn T - 01 bản sao chứng thực; Giấy khai sinh Lò Thị Mai X - 01 bản sao chứng thực; Giấy khai sinh Lò Văn T1 - 01 bản sao chứng thực; Xác nhận thông tin về cư trú số 001/XN, ngày 22/10/2026, của Công an xã N, tỉnh Lai Châu - 01 bản chính.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lai Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về giải quyết việc dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 29, Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, các Điều 149, 238, 361, 362, 367, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 8, các Điều 10, 11, 12, 57, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị: Chấp nhận đơn yêu cầu của bà Lò Thị H. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lò Văn T và chị Lò Thị B theo đăng ký kết hôn số 10/2015, ngày 04/5/2015, của Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu, nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lai Châu. Về con chung, giao cháu X cho chị B trực tiếp nuôi, giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập. Về lệ phí, người yêu cầu không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lai Châu tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu nhận định:

[1] Bà Lò Thị H là mẹ đẻ của chị Lò Thị B nên bà Lò Thị H có quyền yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Lò Thị B và anh Lò Văn T theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc đăng ký kết hôn giữa chị Lò Thị B và anh Lò Văn T được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu, nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lai Châu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 29; Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên họp, người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, đều có đơn xin vắng mặt nên Tòa án mở phiên họp giải quyết việc dân sự theo quy định tại các Điều 238, 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu giải quyết việc dân sự của người yêu cầu là bà Lò Thị H: Theo lời khai và các tài liệu, chứng cứ do bà Lò Thị H, chị Lò Thị B, anh Lò Văn T cung cấp thể hiện: Anh Lò Văn T, sinh ngày 20/12/1995 và chị Lò Thị B, sinh ngày 20/5/1994. Anh T và chị B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/5/2015, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu, nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lai Châu. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh T chưa đủ 20 tuổi nên anh T chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là nam từ đủ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ đủ mười tám tuổi trở lên. Vì vậy, việc bà H yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh T và chị B là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Về hậu quả pháp lý của việc kết hôn trái pháp luật: Anh T và chị B phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng kể từ khi quyết định hủy kết hôn có hiệu lực pháp luật.

[4] Về ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Lò Văn T, chị Lò Thị B: Hiện nay, anh T, chị B đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T, chị B nhất trí yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật theo đơn yêu cầu của bà Lò Thị H. Về con chung: Anh T và chị B có 02 con chung là cháu Lò Thị Mai X, sinh ngày 01/01/2013; Lò Văn T1, sinh ngày 28/8/2018. Anh T và chị B đều có điều kiện, khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc con như nhau. Cháu X có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu T1 có nguyện vọng được ở với bố. Việc chị B và anh T thống nhất giao cháu X cho chị B trực tiếp nuôi, giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với điều kiện nuôi dạy, chăm sóc con của cha mẹ và phù hợp với nguyện vọng của trẻ từ đủ 7 tuổi trở lên. Về cấp dưỡng nuôi con chung, sản chung, nợ chung: Anh T và chị B đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lai Châu không có yêu cầu gì nên Tòa án không xem xét.

[6] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu thuộc trường hợp không phải chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, các Điều 149, 238, 367, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 8, các Điều 10, 11, 12, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc dân sự của người yêu cầu là bà Lò Thị H. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lò Văn T và chị Lò Thị B, theo đăng ký kết hôn số 10/2015, ngày 04/5/2015, của Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu, nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lai Châu.

Hậu quả pháp lý của việc kết hôn trái pháp luật: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị B phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Lò Thị Mai X cho chị Lò Thị B trực tiếp nuôi, giao cháu Lò Văn T1 cho anh Lò Văn T trực tiếp nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự thuộc trường hợp không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định pháp luật. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 3 - Lai Châu;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã Nậm Tăm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Thị Hạnh